

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 12-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Anh Tính
- Ông Ngô Văn Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Khai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2020/TLST-HS, ngày 16-01-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS, ngày 28-02-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST- QĐ ngày 12/3/2020 và Thông báo thay đổi ngày mở phiên tòa số 23/TB-TA ngày 31/3/2020 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TẤN H (Tên gọi khác: **Q**), sinh ngày 12 tháng 5 năm 1988, tại huyện E, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn R, xã Y, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D (sinh năm 1966) và bà Cao Thị T (sinh năm 1967); có vợ là Lô Thị T1 (sinh năm 1990), có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 11/10/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ TẤN S, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1997, tại huyện U, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn R, xã Y, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng T2 (sinh năm 1962) và bà Đàm Thị H1 (sinh năm 1963); vợ, con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 10/11/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Nguyễn V, sinh năm 1946

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi;

- Nguyễn T3, sinh năm 1976
- Trú tại: Thôn L, xã F, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi;
- Hồ Duy K, sinh năm 1964.
- Trú tại: Thôn G, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Trần Văn L1, sinh năm 1964.
- Trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, Quảng Ngãi;
- Trần R1, sinh năm 1976.
- Trú tại: Thôn L, xã F, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi;
- Trương Quang Q1, sinh năm 1977
- Trú tại: Thôn B, xã N, huyện E, Quảng Ngãi;
- Nguyễn Thái B1, sinh năm 1976.
- Trú tại: Thôn M, xã Z, huyện E, Quảng Ngãi;
- Phạm Viết K1, sinh năm 1974
- Trú tại: Tổ 3, phường C1, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Nguyễn Đ, sinh năm 1969
- Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn G1, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi;
- Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1950
- Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Cao Văn N1, sinh năm 1978.
- Trú tại: Thôn Y1, xã F, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi; Ông Nguyễn T3, Hồ Duy K, Trương Quang Q1, Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Thái B1, Nguyễn Đ, Cao Văn N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn V, Trần Văn L1, Trần R1, Phạm Viết K1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

- Đồng Thị D1, sinh năm 1967
- Trú tại: Thôn S1, xã F, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi;
- Phạm Thị Đ1, sinh năm 1944
- Trú tại: Thôn R, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Lê Hồng T2, sinh năm 1962
- Trú tại: Thôn R, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Trần Thanh H3, sinh năm 1978
- Trú tại: Thôn R, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Nguyễn Đình P1, sinh năm 1962
- Trú tại: Thôn A1, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Trần Thanh Q2, sinh năm 1985
- Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Trần Thị Q3, sinh năm 1963
- Trú tại: Thôn R, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;
- Lê Tấn Đ2, sinh năm 1990
- Trú tại: Thôn K2, xã A, huyện U, Quảng Ngãi;
- Lê Quang T4, sinh năm 1994
- Trú tại: Thôn E1, xã R2, huyện U1, Quảng Ngãi;
- Lô Thị T1, sinh năm 1990
- Trú tại: Thôn R, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;

- Đàm Thị H1, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn R, xã Y, huyện E, Quảng Ngãi;

Ông Trần Thanh H3, Trần Thanh Q2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bà Đồng Thị D1, Phạm Thị Đ1, Trần Thị Q3, ông Lê Tấn Đ2, Lê Quang T4, Nguyễn Đình P1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

Ông Lê Hồng T2, bà Đàm Thị H1, bà Lô Thị T1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S có quan hệ quen biết nhau vì ở gần nhà và cùng sử dụng ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng, H và S đã cùng bàn bạc, thống nhất dùng xe mô tô SIRIUS, màu trắng – đen, có gắn biển kiểm soát 76G1-130.99 của S hoặc xe mô tô SIRIUS màu đỏ - đen của H (chưa rõ biển kiểm soát) để đi trên các tuyến đường, tìm cơ hội thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đối tượng tài sản các bị cáo hướng đến chủ yếu là cây mai cảnh. Khi phát hiện được tài sản là cây mai cảnh thì H và S giấu xe mô tô, cùng trèo vào bên trong sân nhà, dùng dao thái lan, bay thợ hồ để đào và cắt rễ cây mai. Sau đó, các bị cáo đem cây mai ra ngoài, dùng xe mô tô vận chuyển cây về nhà giâm trồng để giữ cho cây sống rồi tìm người tiêu thụ. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 08/2019 đến tháng 10/2019, bị cáo H và bị cáo S đã cùng nhau thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản, riêng bị cáo Nguyễn Tấn H còn thực hiện một mình 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện E, huyện U và thành phố Quảng Ngãi.

Các ông Trương Quang Q1, Nguyễn T3 và Phạm Viết K1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 03 USB có chứa các đoạn video của camera gia đình ghi lại các hình ảnh mà các bị cáo đột nhập và trộm cắp tài sản tại nhà mình. Tại các Kết luận giám định số 800/KLGD-PC09 ngày 31/10/2019, số 801/KLGD-PC09 ngày 03/11/2019 và số 802/KLGD-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi đã trích xuất các dữ liệu video lưu trữ trong 03 USB S đĩa DVD, trích xuất hình ảnh và xác định thời gian ghi hình của các video để đưa vào hồ sơ vụ án. (*Các bút lục số 203-208, 213-220, 225-236*).

Quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S đã cùng thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S cùng thực hiện:

Vụ thứ nhất: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 05/08/2019, bị cáo H và bị cáo S đột nhập vào nhà ông Nguyễn V ở thôn P, xã A, huyện U trộm cắp 01 cây mai cảnh. Sau đó, H và S đem cây mai này về giâm trồng tại nhà bà Phạm Thị Đ1 (là bà ngoại của H) ở thôn R, xã Y, huyện E. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cây mai này tại nhà bà Đ1. Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTTHS ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện E xác định 01 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Nguyễn V có giá trị là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). (*Bút lục số 284*)

Vụ thứ hai: Khoảng từ 01 đến 03 giờ ngày 18/08/2019, H và S đột nhập vào nhà ông Nguyễn T3 (trú tại thôn L, xã F, huyện U) trộm cắp 01 cây mai cảnh. Tiếp

đó, H và S đột nhập vào nhà 01 người dân ở xã F, huyện U để trộm 01 cây mai cảnh nữa. Sau đó, H và S đem 02 cây mai trên về giam tại nhà ông Lê Hồng T2 (là cha ruột của S) cũng chính là nhà S đang ở, vài ngày sau thì bán lại cho ông Trần Thanh H3 (trú tại: thôn R, xã Y, huyện E) với giá 6.000.000 đồng để chia nhau tiêu xài. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 02 cây mai này tại nhà ông H3. Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 01 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Nguyễn T3 ngày 18/08/2019 có giá trị là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) (*Bút lục số 248*). Cây mai còn lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được bị hại nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự của H, S. (*Bút lục số 474*)

Vụ thứ ba: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 09/09/2019, H và S đột nhập vào nhà ông Hồ Duy K (trú tại: thôn G, xã Y, huyện E) trộm cắp 02 cây mai cảnh và 01 cây me cảnh. Sau đó, H và S đem cây mai trên về giam tại nhà S, vài ngày sau thì S trực tiếp bán lại cho một người không rõ lai lịch 01 cây mai, không nhớ giá bán bao nhiêu, bán xong thì S chia cho H 500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại nhà S 01 cây mai và 01 cây me. Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 01 cây mai cảnh, 01 cây me cảnh bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Hồ Duy K có giá trị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) (*Bút lục số 252*). Riêng cây mai mà Lê Tấn S đã bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác minh được lai lịch người mua, không thu giữ được tài sản nên không đủ cơ sở để tiến hành yêu cầu định giá tài sản.

Vụ thứ tư: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 16/09/2019, H và S đột nhập vào nhà ông Trần Văn L1 (trú tại: thôn X, xã C, huyện E) trộm cắp 03 cây mai cảnh. Sau đó, H và S đem 03 cây mai trên về giam tại nhà S, vài ngày sau thì S trực tiếp bán 01 cây mai cho ông Nguyễn Đình P1 (trú tại: thôn A1, xã Y, huyện E) với giá 500.000 đồng, chia cho H 250.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại nhà S 02 cây mai. Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 02 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Trần Văn L1 có giá trị là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) (*Bút lục số 268*). Riêng cây mai đã bán cho ông P1 thì qua điều tra, ông P1 khai cây mai bị chết nên ông đã nhổ vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được tài sản nên không đủ cơ sở để tiến hành yêu cầu định giá tài sản. (*Bút lục số 472*)

Vụ thứ năm: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 18/09/2019, H và S đột nhập vào nhà ông Trần R1 (trú tại: thôn L, xã F, huyện U) trộm cắp 02 cây mai cảnh. Sau đó, H và S đem 02 cây mai trên về giam tại nhà S. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại nhà S 02 cây mai trên. Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 02 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Trần R1 có giá trị là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). (*Bút lục số 244*)

Vụ thứ sáu: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 22/09/2019, H và S đột nhập vào nhà ông Trương Quang Q1 (trú tại thôn B, xã N, huyện E) để trộm cắp 03 cây mai cảnh. Sau đó, H và S đem 03 cây mai trên về giam tại nhà S. Vài ngày sau, H bán

02 cây mai (trong đó có 01 cây mai trộm được của ông Q1 và 01 cây mai khác mà H khai cũng trộm cắp được) cho ông Trần Thanh Q2 (trú tại: thôn X, xã Y, huyện E) với giá 5.000.000 đồng, H chia cho S 2.500.000 đồng. Sau đó, ông Trần Thanh Q2 đã gửi 02 cây mai này tại nhà bà Trần Thị Q3 (trú tại: thôn R, xã Y, huyện E) để trồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại nhà Lê Tấn S 02 cây mai, ông Trần Thanh Q2 giao nộp lại 02 cây mai. Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTTHS ngày 08/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 03 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Trương Quang Q1 ngày 22/09/2019 có giá trị là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). *(Bút lục số 240)*

Vụ thứ bảy: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 24/09/2019, H và S trộm cắp 01 chiếc cộ sắt để trước sân nhà của ông Nguyễn Thái B1 (trú tại: thôn M, xã Z, huyện E). Sau đó, H và S đem chiếc cộ trên về cất giấu tại nhà S, vài hôm sau S trao đổi chiếc cộ này với một người khác (không rõ lai lịch, ở thôn Đề An, xã Y, huyện E) để lấy một chiếc cộ sắt khác và số tiền 800.000 đồng chênh lệch giá. S báo với H là đã bán được chiếc cộ trộm được với giá 1.600.000 đồng nên chia cho H 800.000 đồng, còn chiếc cộ đổi được S giữ lại để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 chiếc cộ tại nhà S, còn chiếc cộ của ông Nguyễn Thái B1 không thu giữ được. Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTTHS ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 01 chiếc cộ sắt bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Nguyễn Thái B1 có giá trị là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). *(Bút lục số 280)*

Vụ thứ tám: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 29/09/2019, H và S đột nhập vào nhà ông Phạm Viết K1 (trú tại: tổ 3, phường C1, Thành phố Quảng Ngãi) trộm cắp 01 cây mai cảnh và 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 53X3-5072, nhãn hiệu HONDA, loại xe DREAM. Sau đó H, S đem cây mai về giâm trồng ở nhà H, còn xe mô tô cất giấu ở nhà S. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được cây mai và xe mô tô trên tại nhà H và S. Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 01 cây mai cảnh và 01 xe mô tô bị Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S trộm cắp tại nhà ông Phạm Viết K1 có giá trị là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). *(Bút lục số 272)*

Bị cáo Nguyễn Tấn H thực hiện một mình:

Vụ thứ nhất: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 19/09/2019, H đột nhập vào nhà ông Nguyễn Đ (trú tại: tổ dân phố 1, thị trấn G1, huyện U) trộm cắp 01 cây mai cảnh, sau đó đem về giâm tại vườn nhà mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cây mai trên tại nhà H. Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 01 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H trộm cắp tại nhà ông Nguyễn Đ có giá trị là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). *(Bút lục số 256)*

Vụ thứ hai: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 24/09/2019, H đột nhập vào nhà ông Nguyễn Thanh H2 (trú tại: thôn X, xã Y, huyện E) trộm cắp 01 cây mai cảnh, sau đó đem về giâm tại vườn nhà mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cây mai trên tại nhà H. Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 01 cây mai cảnh bị

Nguyễn Tấn H trộm cắp tại nhà ông Nguyễn Thanh H2 có giá trị là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). (*Bút lục số 264*)

Vụ thứ ba: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ của một ngày trong tháng 09/2019, H đột nhập vào nhà 01 người dân ở thị trấn Sông V, huyện U để trộm cắp 01 cây mai cảnh, sau đó đem về giâm tại vườn nhà mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cây mai trên tại nhà H. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được bị hại nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự của H.

Vụ thứ tư: Khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 07/10/2019, H đột nhập vào nhà ông Cao Văn N1 (trú tại: thôn Y1, xã F, huyện U) trộm cắp 02 cây mai cảnh, sau đó đem về giâm tại vườn nhà mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 02 cây mai trên tại nhà H. Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTTHS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định 02 cây mai cảnh bị Nguyễn Tấn H trộm cắp tại nhà ông Cao Văn N1 có giá trị là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). (*Bút lục số 260*)

Vụ thứ năm: Khoảng 10 giờ ngày 08/10/2019, trong khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E triệu tập làm việc để làm rõ hành vi trộm cắp tài sản thì H tự ý bỏ ra về. Trên đường về đến đoạn đường bê tông thuộc tổ dân phố Phú Vinh Tây, thị trấn Chợ Chùa thì H lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 76V1-5046, nhãn hiệu HALIM, màu sơn xanh của bà Đồng Thị D1 (trú tại: thôn S1, xã F, huyện U). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được chiếc xe mô tô trên. Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTTHS ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E xác định xe mô tô bị Nguyễn Tấn H trộm cắp của bà Đồng Thị D1 có giá trị là 1.870.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). (*Bút lục số 276*)

Như vậy, bị cáo Nguyễn Tấn H, bị cáo Lê Tấn S đã cùng thực hiện 08 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 74.900.000 đồng; Nguyễn Tấn H tự thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản, trong đó có 03 lần trộm cắp tài sản có giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 33.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Tấn H đã 11 lần (Mười một lần) phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 107.900.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm nghìn đồng); bị cáo Lê Tấn S 08 lần (Tám lần) phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 74.900.000 đồng (Bảy mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng).

Sau khi xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu 15 cây mai cảnh, 01 cây me cảnh; Trả lại cho bà Đồng Thị D1 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 76V1-5046, nhãn hiệu HALIM, màu sơn xanh (*Bút lục số 65, 66*); Trả lại cho ông Phạm Viết K1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe DREAM, màu sơn nho, 01 biển kiểm soát 53X3-5072, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Loan (*Bút lục số 73, 74*); Trả lại 03 USB cho các chủ sở hữu (*Các bút lục số 72A, 72B, 73, 74, 75, 76*); trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu trắng đen cho ông Lê Tấn Đ2; trả lại 01 biển kiểm soát 76G1-130.99 cho ông Lê Quang T4 (*Bút lục số 77, 78, 79*)

- Đối với điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Tấn H, đây là công cụ được H sử dụng để liên lạc với Lê Tấn S để rủ nhau đi trộm cắp tài sản nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý;

- Đối với 01 lưỡi dao thái lan và 01 dụng cụ dùng trong xây dựng (thường gọi là bay), đây là các công cụ được Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S sử dụng vào việc phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý;

- Đối với số tiền 7.500.000 đồng do bà Lô Thị T1 giao nộp, đây là số tiền gia đình bị cáo Nguyễn Tấn H tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Số tiền này đang được tạm gửi chờ xử lý.

-Đối với số tiền 1.500.000đồng do bà Đàm Thị H1 giao nộp, đây là số tiền gia đình bị cáo Lê Tấn S tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, hiện đã được nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo Biên lai thu tiền số AA/2010/ 09190 ngày 04/02/2020.

- 14 cây mai cảnh và 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ chờ xử lý.

Cáo trạng số 03/CT-VKS-NH, ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c khoản 02 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H (tên gọi khác: Q) ba năm đến ba năm sáu tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2019, xử phạt bị cáo Lê Tấn S hai năm sáu tháng đến ba năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2019.

- Về tránh nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự tuyên buộc bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Thái B1 số tiền 2.400.000đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 1.200.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp, số tiền chênh lệch dư các bị cáo được hoàn trả lại.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Đối với 01 điện thoại di động của Nguyễn Tấn H (loại điện thoại có nút bấm), vỏ màu đen, kích thước (10,5 x 4,5 x 1)cm, mặt trước và sau điện thoại có dòng chữ “NOKIA”, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 lưỡi dao thái lan và 01 dụng cụ dùng trong xây dựng (thường gọi là bay),

Giao cho Công an huyện E quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tài sản sau: 14 cây mai cảnh, 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen và 01 chiếc cộ sắt thu giữ tại nhà bị cáo Lê Tấn S.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo xin lỗi bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của mình, nhưng với mục đích kiếm tiền để sử dụng ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/2019 đến ngày 08/10/2019 các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S đã lên lút thực hiện 13 lần trộm cắp tài sản, trong đó bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S cùng thực hiện 08 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 74.900.000 đồng; Nguyễn Tấn H tự thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản, trong đó có 03 lần trộm cắp tài sản có giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 33.000.000 đồng trên địa bàn huyện E, huyện U và thành phố Quảng Ngãi.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S có bàn bạc, thống nhất từ trước về việc thực hiện hành vi phạm tội và cùng thực hiện việc đột nhập, trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản nên cùng có vai trò là người thực hành trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Tấn H tự mình thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản thì có 03 lần đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Tấn H cùng với bị cáo Lê Tấn S thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Tấn S cùng với bị cáo Nguyễn Tấn H thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn H: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Tấn H đã tác động gia đình nộp thay số tiền 7.500.000 đồng để tự nguyện bồi thường thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Trong quá trình xác minh ban đầu, bị cáo Nguyễn Tấn H có hành vi trốn tránh, bỏ đi khỏi địa phương, nhưng sau đó bị cáo Nguyễn Tấn H đã đầu thú, nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Đối với bị cáo Lê Tấn S: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Lê Tấn S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Tấn S đã tác động gia đình nộp thay số tiền 1.500.000 đồng để tự nguyện bồi thường thiệt hại, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của cho bị cáo, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, có sử dụng ma túy, do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, xét xử các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về dân sự: Các bị hại trong vụ án gồm ông Trương Quang Q1, ông Nguyễn V, ông Nguyễn T3, ông Cao Văn N1, ông Trần R1, ông Phạm Viết K1, ông Hồ Duy K, ông Nguyễn Thanh H2, ông Trần Văn L1, ông Nguyễn Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu khác về dân sự; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm ông Trần Thanh H3, ông Trần Thanh Q2, ông Nguyễn Đình P1, bà Đồng Thị D1 không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại là ông Nguyễn Thái B1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Tấn S phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 01 chiếc cộ sắt trị giá bằng số tiền 2.400.000 đồng, yêu cầu này của ông Nguyễn Thái B1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Thái B1. Cụ thể, bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Thái B1 số tiền là 1.200.000đồng;

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là 15 cây mai cảnh, 01 cây me cảnh; 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 76V1-5046, nhãn hiệu HALIM, màu sơn xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe DREAM, màu sơn nho; 01 biển kiểm soát 53X3-5072; 01 đăng ký

xe mô tô mang tên Lê Thị Loan; 03 USB; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu trắng đen; 01 biển kiểm soát 76G1-130.99, Cơ quan điều tra Công an huyện E đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động (loại điện thoại có nút bấm), vỏ màu đen, kích thước (10,5 x 4,5 x 1)cm, mặt trước và sau điện thoại có dòng chữ “NOKIA”, tình trạng đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Tấn H, đây là công cụ, phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 lưỡi dao thái lan và 01 dụng cụ dùng trong xây dựng (thường gọi là bay), đây là các công cụ được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, có giá trị sử dụng thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Cần giao cho cơ quan điều tra Công an huyện E quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật, đối với:

+01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen;

+ 01 chiếc cộ sắt;

+ 14 cây mai cảnh (01 cây mai cao 1,5m, độ che bóng rộng nhất 50cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,4m, độ che bóng rộng nhất 1,1m, đường kính gốc 11,5cm; 01 cây mai cao 75cm, độ che bóng rộng nhất 70cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,15m, độ che bóng rộng nhất 40cm, đường kính gốc 5,5cm; 01 cây mai cao 1,1m, độ che bóng rộng nhất 90cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,65m, độ che bóng rộng nhất 55cm, đường kính gốc 9cm; 01 cây mai cao 1,15m, độ che bóng rộng nhất 1,3cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,15m, độ che bóng rộng nhất 20cm, đường kính gốc 4,4cm; 01 cây mai cao 65cm, độ che bóng rộng nhất 50cm, đường kính gốc 4,4cm; 01 cây mai cao 1m, độ che bóng rộng nhất 1,15m, đường kính gốc 3,8cm; 01 cây mai cao 66cm, độ che bóng rộng nhất 40cm, đường kính gốc 2cm; 01 cây mai cao 1,05m, độ che bóng rộng nhất 40cm, đường kính gốc 4cm; 01 cây mai cao 2,1m, độ che bóng rộng nhất 1,45m, đường kính gốc 15cm; 01 cây mai cao 1,95m, độ che bóng rộng nhất 1,25cm, đường kính gốc 8cm);

[8] Đối với số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) bà Lô Thị T1 (vợ của bị cáo Nguyễn Tấn H) đã nộp tại Ủy nhiệm chi lập ngày 20/01/2020 giữa Công an huyện E và Chi cục thi hành án dân sự huyện E để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Nguyễn Tấn H và số tiền 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) bà Đàm Thị H1 (mẹ của bị cáo Lê Tấn S) đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2010/09190 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Lê Tấn S sẽ được khấu trừ vào nghĩa vụ thi hành án dân sự của các bị cáo; Bà Lô Thị T1 và bà Đàm Thị H1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn H và bị cáo Lê Tấn S phải trả lại các khoản tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với ông Trần Thanh H3, ông Trần Thanh Q2, ông Nguyễn Đình P1 là những người mua cây mai cảnh do bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S bán. Tuy nhiên ông H3, ông Q2, ông P1 không biết những cây mai cảnh này là tài sản do bị cáo H và

S trộm cắp mà có. Do đó, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Thanh H3, ông Trần Thanh Q2, ông Nguyễn Đình P1 là phù hợp.

[10] Đối với bà Phạm Thị Đ1 và ông Lê Hồng T2 là những người đã cho Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S trồng và cất giữ tài sản trộm cắp được. Tuy nhiên, bà Đ1 và ông T2 không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Phạm Thị Đ1 và ông Lê Hồng T2 là phù hợp.

[11] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Tấn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E về hình phạt, dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tấn H (tên gọi khác Q);

Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Tấn S;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Tấn H (Q) và bị cáo Lê Tấn S:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Tấn H** (Tên gọi khác: Q) và bị cáo **Lê Tấn S** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn H** (Tên gọi khác: Q) 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 11-10-2019;

3. Xử phạt bị cáo **Lê Tấn S** 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10-11-2019;

4. Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H phải bồi thường cho ông Nguyễn Thái B1 số tiền 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng đã nộp tại Ủy nhiệm chi lập ngày 20/01/2020 giữa Công an huyện E và Chi cục thi hành án dân sự huyện E, số tiền chênh lệch là 6.300.000đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) được hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn H;

Buộc bị cáo Lê Tấn S phải bồi thường cho ông Nguyễn Thái B1 số tiền 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền

1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2010/ 09190 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, số tiền chênh lệch là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được hoàn trả lại cho bị cáo Lê Tấn S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng:

5.1 Tịch thu tiêu hủy:

- Một lưỡi dao thái lan bằng kim loại màu sáng, dài 18,5cm, rộng 3,7cm, dày 0,1cm, bị uốn cong, bề mặt có khắc dòng chữ “KIWI BRAND STAINLESS STEEL”, tình trạng đã qua sử dụng;

- Một dụng cụ dùng trong xây dựng (thường gọi là bay), có tổng chiều dài 31cm, cán bằng gỗ trụ tròn dài 11cm, đường kính 2,7cm, lưỡi bay bằng kim loại dài 14,2cm, nơi rộng nhất 9,6cm, tình trạng đã qua sử dụng;

Các vật chứng này được phản ánh tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E và Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

5.2 Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động của Nguyễn Tấn H (loại điện thoại có nút bấm), vỏ màu đen, kích thước (10,5 x 4,5 x 1)cm, mặt trước và sau điện thoại có dòng chữ “NOKIA”, tình trạng đã qua sử dụng;

Vật chứng này được phản ánh tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E và Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

5.3 Giao cho cơ quan điều tra Công an huyện E quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật đối với 14 cây mai cảnh (01 cây mai cao 1,5m, độ che bóng rộng nhất 50cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,4m, độ che bóng rộng nhất 1,1m, đường kính gốc 11,5cm; 01 cây mai cao 75cm, độ che bóng rộng nhất 70cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,15m, độ che bóng rộng nhất 40cm, đường kính gốc 5,5cm; 01 cây mai cao 1,1m, độ che bóng rộng nhất 90cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,65m, độ che bóng rộng nhất 55cm, đường kính gốc 9cm; 01 cây mai cao 1,15m, độ che bóng rộng nhất 1,3cm, đường kính gốc 10cm; 01 cây mai cao 1,15m, độ che bóng rộng nhất 20cm, đường kính gốc 4,4cm; 01 cây mai cao 65cm, độ che bóng rộng nhất 50cm, đường kính gốc 4,4cm; 01 cây mai cao 1m, độ che bóng rộng nhất 1,15m, đường kính gốc 3,8cm; 01 cây mai cao 66cm, độ che bóng rộng nhất 40cm, đường kính gốc 2cm; 01 cây mai cao 1,05m, độ che bóng rộng nhất 40cm, đường kính gốc 4cm; 01 cây mai cao 2,1m, độ che bóng rộng nhất 1,45m, đường kính gốc 15cm; 01 cây mai cao 1,95m, độ che bóng rộng nhất 1,25cm, đường kính gốc 8cm), 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen và 01 chiếc cốp sắt thu giữ tại nhà bị cáo Lê Tấn S.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo Lê Tấn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện E;
- Cơ quan THAHS CA huyện E;
- Nhà tạm giữ CA huyện E;
- Cơ quan CSĐT CA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Bình